

# Khóa học Backend

Bài 01: Giới thiệu khóa học,  
Học HTML cơ bản  
(Tiết 1)

# Nội dung

01

...

Giới thiệu khóa học  
và lộ trình học

02

...

Hướng dẫn cài đặt các  
phần mềm cần thiết

03

...

Học HTML (Tiết 1)



# 01

## Giới thiệu khóa học và lộ trình học

# 1.1. Giới thiệu khóa học

The screenshot shows the 28Tech website with a dark blue header. The main content area features a large headline: "Học lập trình C qua 170 video, 320 bài tập Hackerrank và 200 bài tập trắc nghiệm." Below this, a sub-headline reads: "Đạt được nền tảng kỹ thuật lập trình cực kì vững chắc và tự duy trong việc giải quyết vấn đề. Thành thạo kiến thức về lập trình Hướng Dẫn Tự Học và vận dụng kiến thức này để giải quyết các bài toán thực tế." There are two buttons: "Xem Chi Tiết" (blue) and "Đăng Ký Tài Khoản" (green). To the right, there are three course cards: "KHÓA HỌC" (130 BÀI HỌC, 320 BÀI TẬP), "28Tech C Course", and "28Tech Web Course". At the bottom left, there are three icons with text: "Đăng viên giàu kinh nghiệm", "Nội dung video và bài tập chất lượng", and "Học bởi cả đầu và nền tảng chính bởi Hackerrank".

## Những kỹ năng mà khóa học đem lại cho học viên

Với những bài giảng chất lượng và bài tập phong phú cùng hệ thống chấm bài tự động Hackerrank, 28Tech sẽ đem lại cho người học nhiều kỹ năng rất giá trị:

- Sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình C
- Nền tảng kỹ thuật lập trình vững chắc
- Năng lực kỹ năng giải quyết bài toán
- Làm quen với các cấu trúc dữ liệu và giải thuật quan trọng
- Năng lực tư duy logic trong lập trình

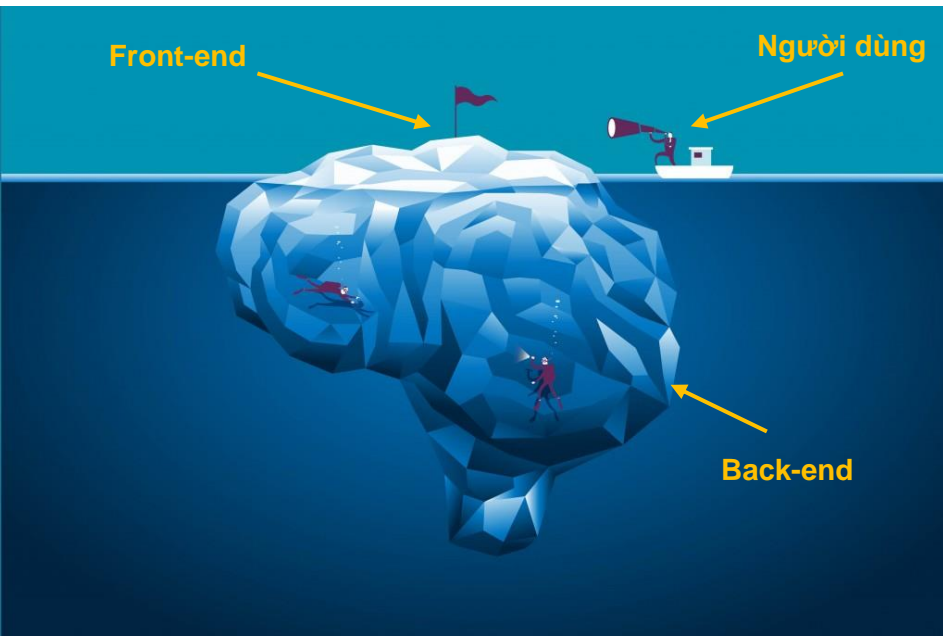
Xem Chi Tiết

The screenshot shows a course card for "C PROGRAMMING LANGUAGE" by John Nowy. The card lists skills: "CODING SKILL", "PROBLEM SOLVING SKILL", "DATA STRUCTURE AND ALGORITHM", and "IMPROVE LOGICAL THINKING". It also mentions "28Tech.com.vn" and "HACKERRANK".

Lập trình **Front-end** là gì?

- Tạo ra giao diện website để người dùng **nhìn thấy được**.
- Tạo ra giao diện để người dùng có thể **tương tác được**.

## 1.1. Giới thiệu khóa học



Lập trình **Back-end** là gì?

- Tạo ra **những chức năng** mà **người dùng không nhìn thấy được**.
- **Gần giống bộ não** của con người, xử lý các yêu cầu và chọn thông tin thích hợp để trả về cho Front-end.

## 1.1. Giới thiệu khóa học

Lập trình **Back-end** gồm ba thành phần:



### Máy chủ

Lưu trữ code



### Ứng dụng

Chính là code  
(mã nguồn)



### Cơ sở dữ liệu

Lưu trữ dữ liệu

# 1.1. Giới thiệu khóa học

**Mục tiêu** chính của khóa học:



Nắm rõ quy trình để  
lập trình Back-end



Nắm vững được  
kiến thức nền tảng



Đủ khả năng ứng tuyển  
được tại các công ty

# 1.1. Giới thiệu khóa học

**Yêu cầu** về khóa học:



Hạn chế nghỉ học



Xem lại bài học



Code lại các ví dụ



Làm bài tập đầy đủ



## 1.2. Lộ trình khóa học: gồm 14 phần



Phần 1: Giới thiệu khóa học,  
Học HTML, CSS



Phần 2: Học GIT, GITHUB



Phần 3: Javascript, JSON



Phần 4: Học NodeJS, NPM



Phần 5: Học ExpressJS



Phần 6: Mô hình MVC



Phần 7: Học MongoDB



Phần 8: Mongoose

## 1.2. Lộ trình khóa học: gồm 14 phần



Phần 9: Học Socket.io



Phần 10: Học GraphQL



Phần 11: Học MySQL



Phần 12: Học Sequelize



Phần 13: Học TypeScript

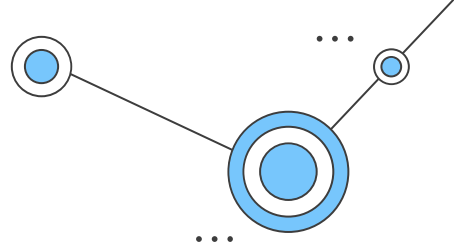


Phần 14: Học DenoJS cơ bản

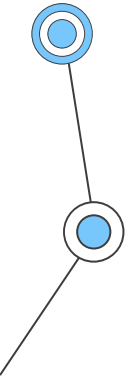
# 02

## Hướng dẫn cài đặt các phần mềm cần thiết

## 2. Hướng dẫn cài đặt các phần mềm cần thiết



- Phần mềm: **Visual Studio Code** (Link download: <https://code.visualstudio.com>)
- Extensions (Tiện ích mở rộng):
  - Auto Rename Tag - Tự động sửa tên thẻ.
  - Beautify - Làm đẹp code
  - Color Highlight - Hiển thị màu sắc theo mã màu
  - CSS Variables Autocomplete - Gợi ý các biến trong CSS để code nhanh hơn.
  - HTML Boilerplate - Tạo khung HTML được soạn sẵn.
  - HTML Snippets - Gợi ý code HTML
  - **Live Server - Khi lưu code thì web tự load lại**
  - Material Icon Theme - Icon cho theme dễ nhìn hơn
  - Path Intellisense - Gợi ý đường dẫn các file

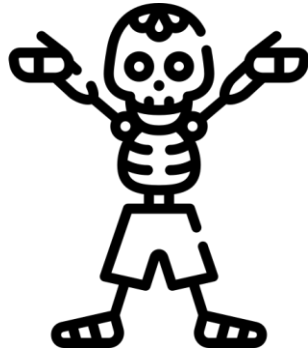


# 03

## Học HTML (Tiết 1)

## 3.1. Khái niệm

- **HTML** - Hyper Text Markup Language
- Là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản.
- HTML có tác dụng **tạo bố cục** và **định dạng trang web**.
- Không phải là ngôn ngữ lập trình.



**HTML**



**CSS**

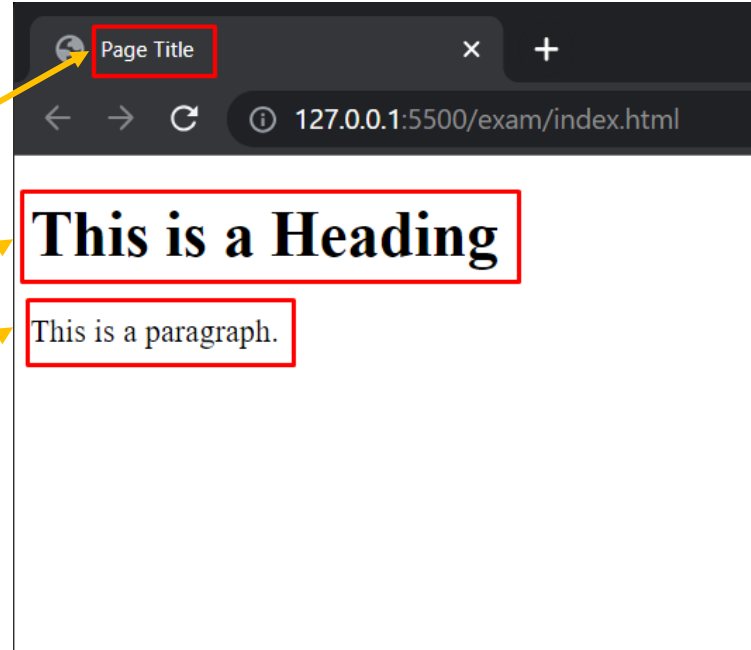
## 3.2. Cấu trúc file HTML và ý nghĩa các thẻ

```
<!DOCTYPE html>
<html>

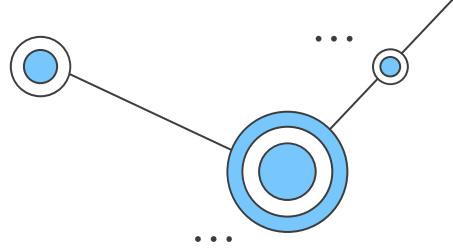
<head>
  <title>Page Title</title>
</head>

<body>
  <h1>This is a Heading</h1>
  <p>This is a paragraph.</p>
</body>

</html>
```



## 3.2. Cấu trúc file HTML và ý nghĩa các thẻ



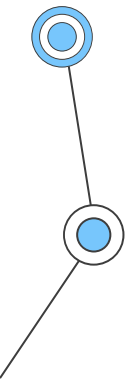
- Trong đó:
  - **<!DOCTYPE html>**: khai báo đây là kiểu tài liệu HTML.
  - **<html>**: Đóng gói tất cả nội dung của trang HTML.
  - **<head>**: khai báo một số thông tin như: tiêu đề trang, nhúng CSS,...
  - **<title>**: Khai báo tiêu đề của trang.
  - **<body>**: Đóng gói tất cả các nội dung hiển thị trên web.

```
<!DOCTYPE html>
<html>

<head>
  <title>Page Title</title>
</head>

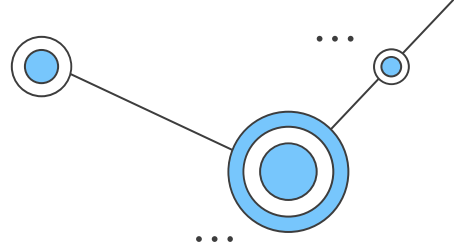
<body>
  <h1>This is a Heading</h1>
  <p>This is a paragraph.</p>
</body>

</html>
```





### 3.3. Tạo Comments, Elements, Attributes



- **Comments**

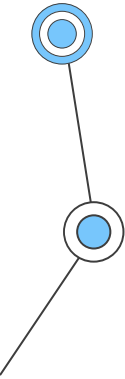
- Là các chú thích để dễ nhớ, và dễ nhìn hơn.
- Hiểu được đoạn code đấy có ý nghĩa là gì.
- Không hiển thị lên giao diện website.
- Cú pháp: `<!-- Nội dung comment -->`
- Phím tắt: **Ctrl + /** (Windows) hoặc **Cmd + /** (Mac)

```
<!DOCTYPE html>
<html>

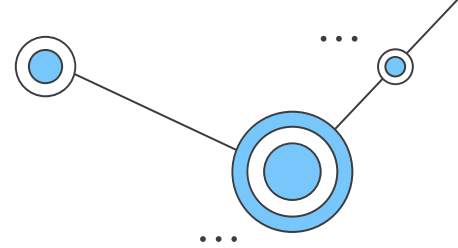
<head>
  <title>Page Title</title>
</head>

<body>
  <!-- Đây là đoạn comment -->
</body>

</html>
```



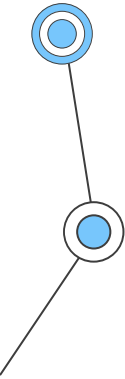
### 3.3. Tạo Comments, Elements, Attributes



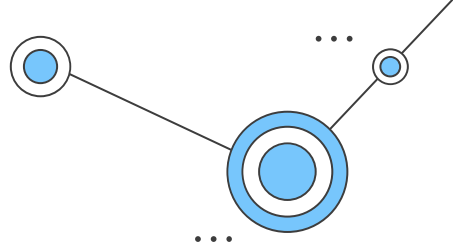
- **Elements (phần tử)**

- Bao gồm:
  - Một thẻ mở
  - Một vài nội dung
  - Một thẻ đóng
- Cú pháp: **<tagname>Nội dung...</tagname>**

```
<h1>Tiêu đề lớn</h1>
<!--
    Trong đó:
    <h1>: Thẻ mở của element
    "Tiêu đề lớn": Nội dung của element
    </h1>: Thẻ đóng của element
-->
```



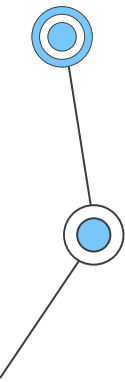
### 3.3. Tạo Comments, Elements, Attributes



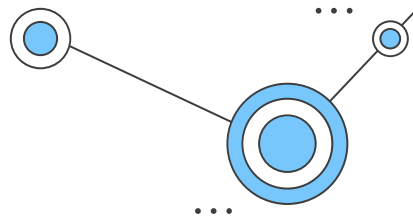
- **Attributes (thuộc tính)**

- Sẽ cung cấp thêm thông tin cho các element.
- Nằm trong thẻ mở.
- Một element có thể có nhiều thuộc tính.

```
<html lang="vi"></html>
<!--
    Trong đó:
    lang: là thuộc tính
    "vi": là giá trị của thuộc tính lang
-->
```

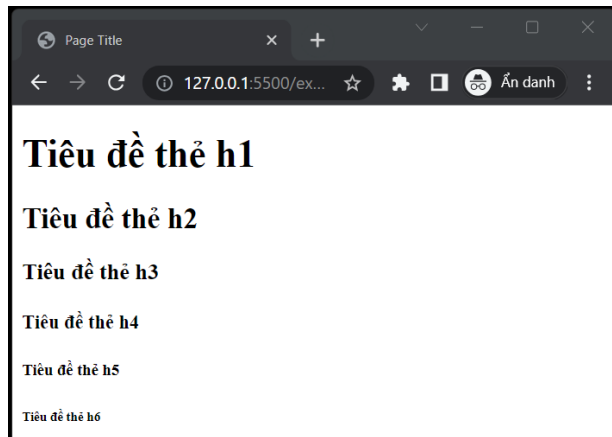


## 3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting

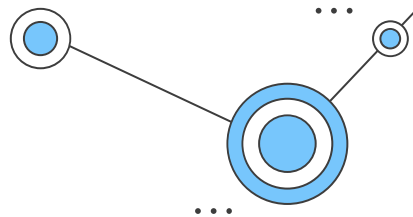


- **Headings (tiêu đề)**
  - Là **tiêu đề** hoặc **phụ đề** hiển thị trên web.
  - Có 6 thẻ heading:
    - `<h1></h1>` (Thẻ tiêu đề quan trọng nhất)
    - `<h2></h2>`
    - `<h3></h3>`
    - `<h4></h4>`
    - `<h5></h5>`
    - `<h6></h6>` (Thẻ tiêu đề ít quan trọng nhất)

```
<h1>Tiêu đề thẻ h1</h1>
<h2>Tiêu đề thẻ h2</h2>
<h3>Tiêu đề thẻ h3</h3>
<h4>Tiêu đề thẻ h4</h4>
<h5>Tiêu đề thẻ h5</h5>
<h6>Tiêu đề thẻ h6</h6>
```

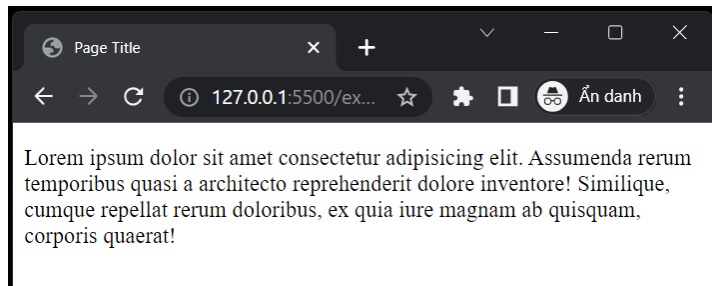


## 3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting

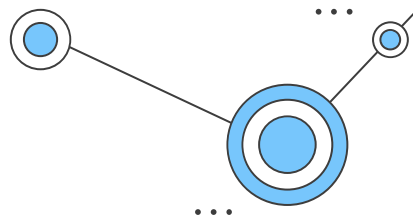


- **Paragraphs (đoạn văn)**
  - Là một khối văn bản.
  - Cú pháp: `<p></p>`

```
<p>Lorem ipsum dolor sit amet  
consectetur adipisicing elit.  
Assumenda rerum temporibus quasi a  
architecto reprehenderit dolore  
inventore! Similique, cumque repellat  
rerum doloribus, ex quia iure magnam  
ab quisquam, corporis quaerat!</p>
```



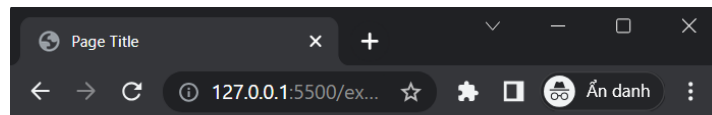
## 3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting



- **Formatting (định dạng)**
  - Hiển thị các loại văn bản đặc biệt.
  - Một số thẻ định dạng:
    - **<b></b>** (bold - in đậm): Văn bản in đậm
    - **<i></i>** (italic - in nghiêng): Văn bản in nghiêng

```
<p>Xin chào <b>Đặng Phương Nam</b>!</p>
```

```
<p>Xin chào <i>Đặng Phương Nam</i>!</p>
```

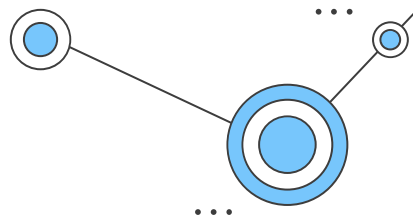


Xin chào **Đặng Phương Nam!**

Xin chào *Đặng Phương Nam!*



## 3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting

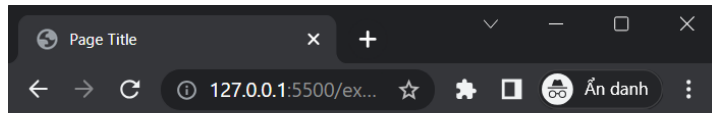


- **Formatting (định dạng)**

- Hiển thị các loại văn bản đặc biệt.
- Một số thẻ định dạng:
  - **<sub></sub>** (subscripted - chỉ số dưới): Văn bản có chỉ số dưới
  - **<sup></sup>** (superscripted - chỉ số trên): Văn bản có chỉ số trên

```
<p>H<sub>2</sub></sub>0</p>
<p>H<sub>2</sub></sub>SO<sub>4</sub></sub></p>

<p>a<sup>2</sup></sup> + b<sup>2</sup></sup> =
c<sup>2</sup></sup></p>
```



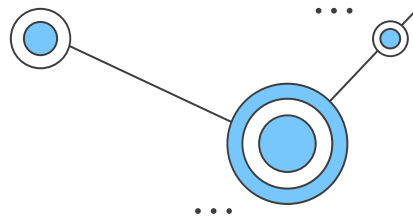
H<sub>2</sub>0

H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>

a<sup>2</sup> + b<sup>2</sup> = c<sup>2</sup>

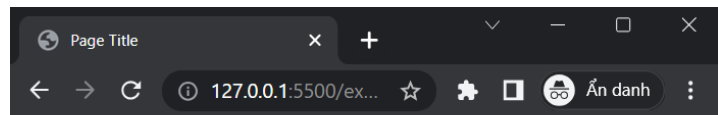


## 3.4. Tạo Headings, Paragraphs, Formatting



- **Formatting (định dạng)**
  - Hiển thị các loại văn bản đặc biệt.
  - Một số thẻ định dạng:
    - **<del></del>** (deleted - đã xóa): Văn bản đã xóa

```
<p>  
  <b>9.900.000đ</b>  
  <del>12.000.000đ</del>  
</p>
```

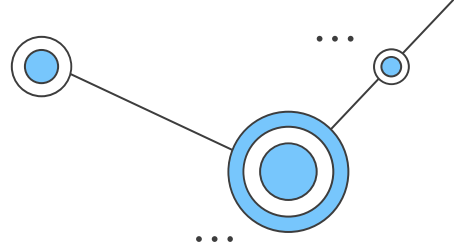


9.900.000đ ~~12.000.000đ~~





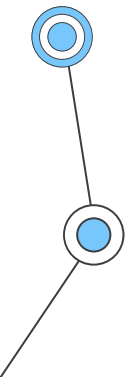
## 3.5. Chèn link



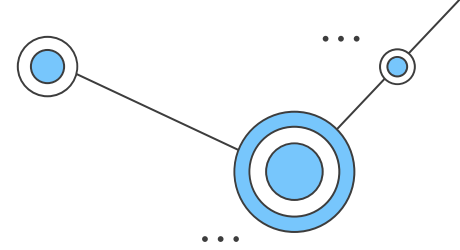
- **Links (anchor - mỏ neo)**
  - Là thẻ để khi **click vào thẻ** đó sẽ **chuyển hướng đến trang khác**.
  - Cú pháp: `<a href="url">link text</a>`
  - Thuộc tính:
    - **href**: chèn địa chỉ liên kết.
    - **target**: Xác định nơi mà tài liệu được mở. Có 2 giá trị phổ biến:
      - **\_self**: Mặc định. Mở tài liệu ở tab hiện tại.
      - **\_blank**: Mở tài liệu trong tab mới.
    - **title**: Thông tin bổ sung về một element.

```
<a href="https://daca.vn/">
    Daca.vn (Mở ở tab hiện tại)
</a>
```

```
<a href="https://daca.vn/"
    target="_blank">
    Daca.vn (Mở ở tab mới)
</a>
```



## 3.6. Chèn ảnh

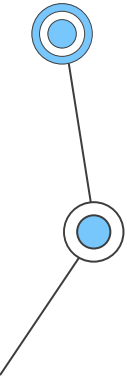
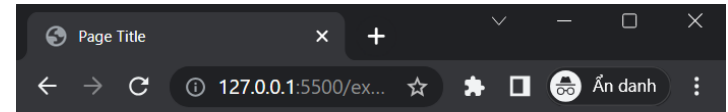


- **Image (Hình ảnh)**

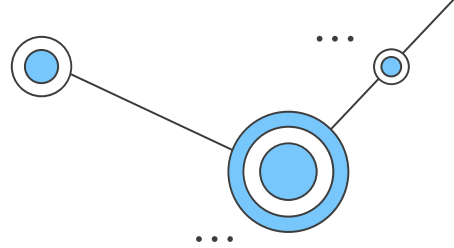
- Là thẻ để nhúng ảnh vào trang web.
- Cú pháp: ``
- Thuộc tính:
  - **src**: Chèn đường dẫn ảnh
  - **alt**: Văn bản thay thế khi đường dẫn ảnh bị lỗi.
- Lưu ý: Không có thẻ đóng.

```

```



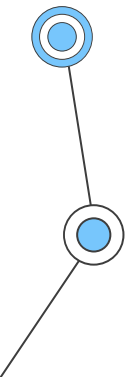
## 3.7. File Paths (Đường dẫn tệp)



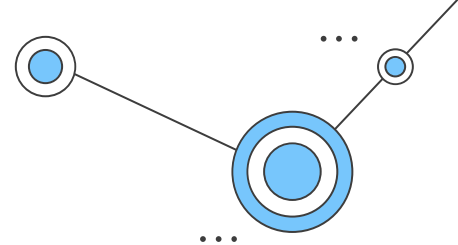
- **Absolute File Paths (Đường dẫn tệp tuyệt đối)**
  - Là URL đầy đủ của tệp.

```

```



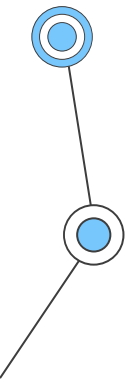
## 3.7. File Paths (Đường dẫn tệp)



- **Relative File Paths (Đường dẫn tệp tương đối)**
  - Là trỏ đến một tệp liên quan đến cấu trúc thư mục của trang hiện tại.

```
<!-- 1. Ảnh "image.jpg" nằm cùng thư mục  
với trang hiện tại -->  
  
  
<!-- 2. Ảnh "image.jpg" nằm trong thư mục  
images trong thư mục hiện tại -->  
  
  
<!-- 3. Ảnh "image.jpg" nằm trong thư mục  
tăng một cấp so với thư mục hiện tại -->  

```



# Bài tập

- **Link bài tập:** <https://course-back-end.vercel.app/lessons/lesson-1/index.html>

